

Số: 09 /BB- ĐHĐCĐ-VTVcab

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

## BIÊN BẢN HỌP

### Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cấp Việt Nam

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2020 tại Phòng họp 3.1, tòa nhà VTV- số 3/84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam (Mã số doanh nghiệp: 0105926285 đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 06 năm 2012; đăng ký thay đổi lần thứ:6, ngày 30 tháng 06 năm 2018), trụ sở tại: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### I. Thành phần tham dự Đại hội

1. Các thành viên của Hội đồng quản trị (HDQT)/ Người đại diện vốn góp của Nhà nước- Đài Truyền hình Việt Nam gồm các thành viên sau:

- Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ tịch HDQT
- Ông Bùi Huy Năm- Thành viên HDQT- Tổng giám đốc
- Ông Vũ Quang Tạo- Thành viên HDQT

2. Ban điều hành:

- Ông Tạ Sơn Đông- Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Ninh- Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Tuấn Anh- Phó Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương- Phó Tổng giám đốc
- Bà Trần Ngọc Huyền- Trưởng Ban TCKT

3. Ban kiểm soát:

- Ông Nguyễn Minh Điệp- Trưởng Ban

Và các thành viên Ban kiểm soát

4. Cổ đông và đại diện cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cấp Việt Nam theo danh sách chốt quyền ngày 03/06/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

#### II. Diễn tiến của Đại hội:

##### A. Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ:

##### 1. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

Ông Hán Việt Linh – Phó trưởng Ban KTNB- Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm 08h35' ngày 25 tháng 06 năm 2020 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty là: 45.745.876 cổ phần
- Cổ đông được mời tham dự Đại hội gồm: Tất cả cổ đông của Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam theo danh sách chốt quyền ngày 03/06/2020 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự: 42 người, sở hữu và đại diện sở hữu cho tổng số 45.347.876 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,13 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.
- Trong đó:
- Cổ đông tham dự trực tiếp: 42 người
- Đại biểu được ủy quyền: 20 người
- Các cổ đông, đại biểu có đầy đủ tư cách tham gia Đại hội.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam đủ điều kiện tiến hành.

## **2. Bầu Ban chủ tọa:**

Ông Hán Việt Linh giới thiệu Chủ tọa cuộc họp là Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ tịch HĐQT và giới thiệu các thành viên của Ban Chủ tọa gồm:

- Ông Hoàng Ngọc Huấn- Chủ tịch HĐQT- Chủ tọa
- Ông Bùi Huy Năm- Thành viên HĐQT- Thành viên
- Ông Vũ Quang Tạo- Thành viên HĐQT- Thành viên

*Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Ban chủ tọa với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.*

## **3. Ban thư ký**

Ông Vũ Quang Tạo thay mặt Ban chủ tọa đề cử thành phần Ban Thư ký để ghi Biên bản cuộc họp và Ban kiểm phiếu để phục vụ nội dung biểu quyết và bầu cử của Đại hội.

### **• Thành phần Ban thư ký gồm:**

- Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên

### **• Thành phần Ban kiểm phiếu gồm:**

- Ông Hán Việt Linh - Trưởng Ban Kiểm phiếu
- Bà Hoàng Thị Thanh Xuân - Thành viên
- Bà Trần Thị Thu Hà - Thành viên

- Ông Nguyễn Thanh Thịnh - Thành viên

- Bà Đặng Thị Chinh - Thành viên

*Đại hội đã biểu quyết thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.*

### **5. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội**

Ông Hán Việt Linh trình bày Quy chế tổ chức Đại hội; Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết tại Đại hội

*Đại hội đã biểu quyết và thông qua Quy chế tổ chức Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý*

### **6. Thông qua Chương trình của Đại hội**

Ông Bùi Huy Năm trình Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

*Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.*

### **B. Trình bày các nội dung cần thông qua ĐHĐCĐ phê duyệt**

1. Ông Vũ Quang Tạo trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị

2. Ông Bùi Huy Năm - Tổng giám đốc trình bày Báo cáo của Ban điều hành

3. Ông Nguyễn Minh Điệp - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát

4. Bà Trần Ngọc Huyền - Trưởng ban TCKT trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

5. Ông Nguyễn Trọng Tuấn - Trưởng phòng Kinh doanh dịch vụ truyền hình trình bày Tờ trình Kế hoạch kinh doanh năm 2020

6. Ông Nguyễn Đức Dũng - Trưởng Phòng KHĐT trình bày Tờ trình Kế hoạch đầu tư năm 2020

7. Bà Phan Kim Ngọc- Trưởng phòng Nhân sự trình bày Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát

8. Ông Nguyễn Minh Điệp - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán

9. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Chánh Văn phòng trình bày Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ

*(Các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội nằm trong Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được Tổng công ty gửi cho từng cổ đông tham dự Đại hội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty)*

### **C. Thảo luận**

Ông Vũ Quang Tạo có ý kiến:

- Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, Người Đại diện vốn đã có công văn xin ý kiến Đài THVN, hiện Đài THVN đang xin ý kiến Bộ Tài chính. Vì vậy đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục làm việc với Đài THVN, chủ động quyết định theo nội dung được Đài THVN phê duyệt.

Tất cả các cổ đông đều tán thành ý kiến của ông Vũ Quang Tạo và không có ý kiến khác.

#### **D. Phân biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội**

Để chuẩn bị cho việc biểu quyết, Ông Hán Việt Linh công bố tỷ lệ cổ đông tham gia biểu quyết tính tới thời điểm lúc 10h15 là 45.347.876 cổ phần, chiếm 99,13% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông Bùi Huy Năm thay mặt Ban chủ tọa lần lượt nêu các vấn đề để Đại hội biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Các cổ đông đã thực hiện việc biểu quyết theo đúng thủ tục

Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm đếm Thẻ biểu quyết như sau:

##### **1. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

##### **2. Báo cáo của Ban điều hành**

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

##### **3. Báo cáo của Ban kiểm soát**

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

|             |           |   |
|-------------|-----------|---|
| Ý kiến khác | 0 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
|-------------|-----------|---|

#### 4. Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

#### 5. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2020

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

#### 6. Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2020

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

#### 7. Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát.

|           |                    |   |
|-----------|--------------------|---|
| Tán thành | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
|-----------|--------------------|---|

|                 |           |   |
|-----------------|-----------|---|
| Không tán thành | 0 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |

#### 8. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

#### 9. Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

**10. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục làm việc với Đài THVN, chủ động quyết định theo nội dung được Đài THVN phê duyệt.**

|                 |                    |   |
|-----------------|--------------------|---|
| Tán thành       | 45.347.876 cổ phần | Chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội |
| Không tán thành | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |
| Ý kiến khác     | 0 cổ phần          | Chiếm tỷ lệ 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội   |

**E. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị**

**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành**

**Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát**

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

*Đơn vị: đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền           |
|-----|---|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản  | 1.954.752.356.578 |
| 2   | Vốn chủ sở hữu  | 558.496.321.821   |
| 3   | Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính và thu nhập khác | 2.171.718.992.111 |
| 4   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                           | 75.722.309.553    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                    | 70.959.386.734    |

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài hợp nhất của VTVcab năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

*Đơn vị: đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền           |
|-----|---|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản  | 2.010.076.459.703 |
| 2   | Vốn chủ sở hữu  | 572.556.042.028   |
| 3   | Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính, thu nhập khác và lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 2.173.627.460.787 |
| 4   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 26.517.051.956    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 11.216.439.579    |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ   | 8.265.949.287     |

**Điều 5. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020***Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Năm                  | KH 2020 đã được phê duyệt | KH 2020 đề xuất điều chỉnh |
|----|----------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | Tổng doanh thu       | 2,228,550                 | 2,171,179                  |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | 80,228                    | 75,722                     |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế   | 64,182                    | 61,512                     |

**Điều 6. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020***Đơn vị: triệu đồng*

| TT        | Nội dung  | Tổng dự toán   | Dòng tiền chi trong 2020 |
|-----------|---|----------------|--------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Các dự án kỹ thuật</b>   | <b>277.145</b> | <b>137.220</b>           |
| <b>I</b>  | <b>Các dự án đầu tư</b>   | <b>192.784</b> | <b>80.624</b>            |
| 1         | Các dự án về hệ thống trung tâm thu phát  | 38.280         | 26.247                   |
| 2         | Các dự án về công nghệ thông tin  | 2.000          | 2.000                    |
| 3         | Các dự án về mạng cáp   | 150.604        | 50.476                   |
| 4         | Các dự án khác  | 1.900          | 1.900                    |
| <b>II</b> | <b>Kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị, bảo hành phần mềm, công cụ dụng cụ năm 2020</b> | <b>84.361</b>  | <b>56.597</b>            |
| 1         | Kế hoạch về mua sắm phụ kiện đầu thu  | 2.816          | 2.816                    |
| 2         | Các chi phí bảo hành, bảo trì hệ thống, phần mềm hàng năm                             | 30.254         | 22.556                   |
| 3         | Các chi phí gia hạn license phần mềm  | 4.977          | 4.977                    |
| 4         | Các chi phí thuê thiết bị, sxct và các dịch vụ khác                                   | 18.162         | 17.802                   |
| 5         | Chi phí bảo hành, bảo trì mạng cáp  | 28.153         | 8.446                    |
| <b>B</b>  | <b>Các dự án quản trị, mua sắm</b>  | <b>28.982</b>  | <b>28.982</b>            |
| 1         | Các dự án định kỳ phát sinh (bảo dưỡng hệ thống thiết bị tòa nhà, trạm biến áp, quang | 12.877         | 12.877                   |



| TT | Nội dung  | Tổng dự toán   | Dòng tiền chi trong 2020 |
|----|---|----------------|--------------------------|
|    | cảnh tòa nhà...)  |                |                          |
| 2  | Các dự án mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ, các khoản chi phí lớn phát sinh thường xuyên | 16.105         | 16.105                   |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>306.127</b> | <b>166.202</b>           |

**Điều 7. Thông qua Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát.**

1. Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019:

*Đơn vị: đồng*

| Chức danh                      | Tổng quỹ lương thực hiện 2019 | Quỹ lương quyết toán theo lợi nhuận thực hiện tăng thêm so với kế hoạch | Tổng quỹ thù lao thực hiện 2019 |
|--------------------------------|-------------------------------|---|---------------------------------|
| Thành viên HĐQT, Ban Điều hành | 4.147.500.000                 | 265.440.000   | 317.520.000                     |
| Thành viên Ban Kiểm soát       | 762.000.000                   | 48.768.000  | 176.400.000                     |

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2020:

*Đơn vị: đồng*

| Chức danh                      | Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 | Quỹ thù lao kế hoạch năm 2020 |
|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
| Thành viên HĐQT, Ban Điều hành | 5.203.440.000                    | 209.688.000                   |
| Thành viên Ban Kiểm soát       | 1.087.020.000                    | 117.600.000                   |

3. Ủy quyền HĐQT thực hiện phương án chi trả lương, thù lao kế hoạch năm 2020:

- Chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2020 cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

- Quyết định quỹ tiền lương, thù lao, quỹ thưởng thực hiện năm 2020 của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát căn cứ trên cơ sở quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020, số lượng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thực tế trong năm, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của VTVcab và theo các văn bản quy phạm pháp luật về tiền lương hiện hành.

- Quyết định mức tiền lương, thù lao phát sinh thêm trong trường hợp thay đổi thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát (nếu có) phù hợp với nguyên tắc xác định tiền lương, thù lao của các thành viên còn lại.

- Quyết định nguyên tắc chi trả đối với các chức danh thuộc thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát: Tạm ứng 80% quỹ lương hàng tháng; 20% quỹ lương còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh đối với từng vị trí chức danh.

### **Điều 8. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Đại hội thống nhất thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty:

1. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)
2. Công ty TNHH Deloitte (Deloitte)
3. Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&Y)
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

### **Điều 9. Thông qua Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ**

*(Theo Phụ lục Bổ sung, sửa đổi Điều lệ đính kèm)*

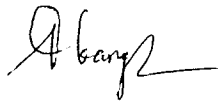
**Điều 10. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục làm việc với Đài truyền hình Việt Nam về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, chủ động quyết định theo nội dung được Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt.**

**F. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội**

Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Trưởng Ban Thư ký trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 trước Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100% đồng ý.

Biên bản được lập hồi 11h00 ngày 25 tháng 06 năm 2020. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam kết thúc vào lúc 11h15 cùng ngày.

**TRƯỞNG BAN THƯ KÝ**



**Nguyễn Thị Thu Trang**

**Thành viên Ban thư ký:**



**Nguyễn Thị Thu Hương**



**Nguyễn Thị Hồng Nhung**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Hoàng Ngọc Huấn**

Số: 24 /NQ-VTVcab

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*  
*Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 26/06/2006;*  
*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam;*  
*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25/06/2020.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị**

**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành**

**Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát**

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng của VTVcab cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

*Đơn vị: đồng*

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền           |
|-----|---|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản  | 1.954.752.356.578 |
| 2   | Vốn chủ sở hữu  | 558.496.321.821   |
| 3   | Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính và thu nhập khác | 2.171.718.992.111 |
| 4   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                           | 75.722.309.553    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                    | 70.959.386.734    |

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã được kiểm toán trên Báo cáo tài hợp nhất của VTVcab năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền           |
|-----|---|-------------------|
| 1   | Tổng tài sản  | 2.010.076.459.703 |
| 2   | Vốn chủ sở hữu  | 572.556.042.028   |
| 3   | Tổng doanh thu bao gồm doanh thu tài chính, thu nhập khác và lãi/lỗ trong công ty liên doanh liên kết | 2.173.627.460.787 |
| 4   | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 26.517.051.956    |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 11.216.439.579    |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ   | 8.265.949.287     |

### Điều 5. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020

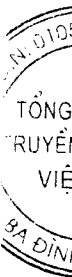
Đơn vị: triệu đồng

| TT | Năm                  | KH 2020 đã được phê duyệt | KH 2020 đề xuất điều chỉnh |
|----|----------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | Tổng doanh thu       | 2,228,550                 | 2,171,179                  |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế | 80,228                    | 75,722                     |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế   | 64,182                    | 61,512                     |

### Điều 6. Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

| TT        | Nội dung  | Tổng dự toán   | Dòng tiền chi trong 2020 |
|-----------|---|----------------|--------------------------|
| <b>A</b>  | <b>Các dự án kỹ thuật</b>   | <b>277.145</b> | <b>137.220</b>           |
| <b>I</b>  | <b>Các dự án đầu tư</b>   | <b>192.784</b> | <b>80.624</b>            |
| 1         | Các dự án về hệ thống trung tâm thu phát  | 38.280         | 26.247                   |
| 2         | Các dự án về công nghệ thông tin  | 2.000          | 2.000                    |
| 3         | Các dự án về mạng cáp   | 150.604        | 50.476                   |
| 4         | Các dự án khác  | 1.900          | 1.900                    |
| <b>II</b> | <b>Kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị, bảo hành phần mềm, công cụ dụng cụ năm 2020</b> | <b>84.361</b>  | <b>56.597</b>            |
| 1         | Kế hoạch về mua sắm phụ kiện đầu thu  | 2.816          | 2.816                    |
| 2         | Các chi phí bảo hành, bảo trì hệ thống, phần mềm hàng năm                             | 30.254         | 22.556                   |



|          |  |                |                |
|----------|--|----------------|----------------|
| 3        | Các chi phí gia hạn license phần mềm   | 4.977          | 4.977          |
| 4        | Các chi phí thuê thiết bị, sxct và các dịch vụ khác  | 18.162         | 17.802         |
| 5        | Chi phí bảo hành, bảo trì mạng cáp   | 28.153         | 8.446          |
| <b>B</b> | <b>Các dự án quản trị, mua sắm</b>   | <b>28.982</b>  | <b>28.982</b>  |
| 1        | Các dự án định kỳ phát sinh (bảo dưỡng hệ thống thiết bị tòa nhà, trạm biến áp, quang cảnh tòa nhà...) | 12.877         | 12.877         |
| 2        | Các dự án mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ, các khoản chi phí lớn phát sinh thường xuyên  | 16.105         | 16.105         |
|          | <b>Tổng cộng</b>   | <b>306.127</b> | <b>166.202</b> |

**Điều 7. Thông qua Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 và phương án quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát.**

1. Báo cáo thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2019:

*Đơn vị: đồng*

| Chức danh                      | Tổng quỹ lương thực hiện 2019 | Quỹ lương quyết toán theo lợi nhuận thực hiện tăng thêm so với kế hoạch | Tổng quỹ thù lao thực hiện 2019 |
|--------------------------------|-------------------------------|---|---------------------------------|
| Thành viên HĐQT, Ban Điều hành | 4.147.500.000                 | 265.440.000   | 317.520.000                     |
| Thành viên Ban Kiểm soát       | 762.000.000                   | 48.768.000  | 176.400.000                     |

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2020:

*Đơn vị: đồng*

| Chức danh                      | Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020 | Quỹ thù lao kế hoạch năm 2020 |
|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
| Thành viên HĐQT, Ban Điều hành | 5.203.440.000                    | 209.688.000                   |
| Thành viên Ban Kiểm soát       | 1.087.020.000                    | 117.600.000                   |

3. Ủy quyền HĐQT thực hiện phương án chi trả lương, thù lao kế hoạch năm 2020:

- Chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2020 cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

- Quyết định quỹ tiền lương, thù lao, quỹ thưởng thực hiện năm 2020 của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát căn cứ trên cơ sở quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020, số lượng thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát thực tế trong năm, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của VTVcab và theo các văn bản quy phạm pháp luật về tiền lương hiện hành.

- Quyết định mức tiền lương, thù lao phát sinh thêm trong trường hợp thay đổi thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát (nếu có) phù hợp với nguyên tắc xác định tiền lương, thù lao của các thành viên còn lại.

- Quyết định nguyên tắc chi trả đối với các chức danh thuộc thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát: Tạm ứng 80% quỹ lương hàng tháng; 20% quỹ lương còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh đối với từng vị trí chức danh.

#### **Điều 8. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020**

Đại hội thống nhất thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty:

1. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC)
2. Công ty TNHH Deloitte (Deloitte)
3. Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam (E&Y)
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

#### **Điều 9. Thông qua Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ**

*(Theo Phụ lục Bổ sung, sửa đổi Điều lệ đính kèm)*

**Điều 10. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục làm việc với Đài truyền hình Việt Nam về phương án phân phối lợi nhuận năm 2019, chủ động quyết định theo nội dung được Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt.**

#### **Điều 11. Thi hành nghị quyết**

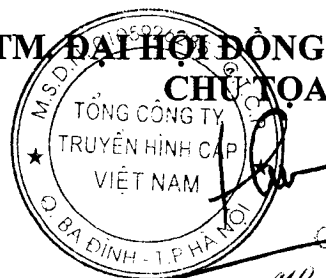
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các cá nhân liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này./.

#### **Nơi nhận:**

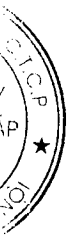
- UBCKNN;
- HNX;
- Các cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Hoàng Ngọc Huân*



Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

**PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CÁP VIỆT NAM  
(lần thứ hai)**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam được ban hành theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thông qua ngày 02 tháng 06 năm 2018 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam được ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20 tháng 06 năm 2019;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 25/06/2020

**Điều 1: Các nội dung được bổ sung, sửa đổi của điều lệ như sau:**

(a) Khoản 1 Điều 3 được bổ sung lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>   | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--|-----------------|
| 15         | Hoạt động xuất bản khác  | 5819            |
| 16         | Hoạt động hậu kỳ   | 5912            |
| 17         | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết phát hành phim điện ảnh, phim video  | 5913            |
| 18         | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ loại nhà nước cấm)  | 5920            |
| 19         | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Bao gồm dịch vụ cho thuê không gian hoặc vị trí, kèm theo hạ tầng về băng thông/kênh truyền dẫn, nguồn điện, điều hòa, không gian phòng máy và các thiết bị khác cùng với các dịch vụ liên quan tuân theo pháp luật Việt Nam. | 6209            |
| 20         | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)   | 6399            |





|    |  |      |
|----|--|------|
| 21 | <i>Hoạt động tư vấn quản lý<br/>(không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)</i>  | 7020 |
| 22 | <i>Nguyên cứu thị trường và thăm dò dư luận</i>  | 7320 |
| 23 | <i>Hoạt động nhiếp ảnh</i>   | 7420 |
| 24 | <i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i>   | 8230 |
| 25 | <i>Giáo dục văn hóa nghệ thuật</i>   | 8552 |
| 26 | <i>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br/>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)</i>  | 9000 |
| 27 | <i>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</i>   | 9329 |
| 28 | <i>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br/>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống sân khấu, phòng thu (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>  | 4329 |
| 29 | <i>Hoạt động phát thanh</i>  | 6010 |
| 30 | <i>Hoạt động truyền hình</i>   | 6021 |
| 31 | <i>Hoạt động viễn thông không dây</i>  | 6120 |
| 32 | <i>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br/>Chi tiết: Tư vấn trang thiết bị âm thanh, ánh sáng cho sân khấu, phòng thu. Hoạt động tư vấn đấu thầu, mời thầu trang thiết bị điện ảnh, truyền hình. Hoạt động đo đạc bản đồ</i> | 7110 |
| 33 | <i>Hoạt động giáo dục thể thao, giải trí</i>   | 8551 |
| 34 | <i>Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu, môi giới việc làm, lao động<br/>Chi tiết: Hoạt động tìm kiếm diễn viên (loại trừ môi giới việc làm, lao động)</i>   | 7810 |
| 35 | <i>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</i>  | 6311 |

(b) Khoản 1 điều 27 được sửa đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị như sau:

*Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 (ba) người*

**Điều 2: Hiệu lực của phụ lục sửa đổi Điều lệ:**

Các nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ nêu tại Điều 1 trên đây có hiệu lực kể từ ngày 25/06/2020

Hà Nội, ngày 25/06/2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



*Hoàng Ngọc Huân*